

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

A: 18
H: 03

(37)
C. Lê Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122180072	Nguyễn Quốc	Anh	29/11/2003	CCQ2218C	04		6,3		3,6	5,0	7,0	5,8	
2	2121270120	Nguyễn Tấn	Anh	28/04/2003	CCQ2127D							0,0		
3	2123180097	Nguyễn Thành	Đạt	03/12/2005	CCQ2318C	03		6,4		3,8	5,1	7,2	5,9	
4	2123180109	Trần Quang	Đạt	20/12/2005	CCQ2318C	02		6,5		3,6	6,1	8,0	6,9	
5	2123210118	Hồ Thị	Diệu	04/04/2005	CCQ2321D	01	Thi Diệu	7,8	Thi Diệu	6,9	7,4	9,2	8,1	
6	2123210135	Trương Văn	Dũng	24/09/2005	CCQ2321D	04	Dũng	6,2	Dũng	3,3	4,8	7,9	6,0	
7	2123180088	Đoàn Thanh	Duy	08/10/2002	CCQ2318C	03	Duy	4,0	Duy	2,6	3,3	7,0	4,8	
8	2123210111	Nguyễn Thị Tương	Duy	13/11/2005	CCQ2321D	01	Duy	8,6	Duy	9,6	9,1	9,9	9,4	
9	2123210182	Khúc Ngọc	Hà	23/03/2005	CCQ2321D	02	Hà	6,8	Hà	8,2	7,5	8,8	8,0	
10	2123210136	Lê Ngọc	Hiền	28/04/2005	CCQ2321D	03		7,0		5,9	6,5	7,4	6,9	
11	2121180004	Trịnh Văn	Hiền	08/05/2003	CCQ2118A	04	Hiền	3,7	Hiền	5,6	4,7	6,5	5,4	
12	2121180061	Lưu Hoài	Hiếu	20/09/2003	CCQ2118B	01		3,1		3,1	3,1	6,6	4,5	
13	2121030104	Trần Đình	Hoàn	20/04/2003	CCQ2103C	02	Hoàn	3,1	Hoàn	7,0	5,1	6,3	5,6	
14	2123210148	Châu Thị Hồng	Huệ	09/08/2005	CCQ2321D							3,2		
15	2123180104	Hoàng Quang	Hương	06/04/2005	CCQ2318C	04		7,5		6,0	7,1	8,0	7,5	
16	2121150011	Hoàng Đức	Huy	09/05/2003	CCQ2115A	03	Huy	3,7	Huy	8,0	5,9	6,3	6,1	
17	2121110231	Trịnh Vỹ	Kha	25/07/2003	CCQ2111G							0,0		
18	2123210133	Nguyễn Thị Yến	Khoa	13/10/2005	CCQ2321D	002		5,6		7,0	6,3	8,1	7,0	
19	2123210116	Lê Thị Trúc	Linh	04/02/2005	CCQ2321D	001		3,6		3,8	3,7	6,2	4,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

(37)

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 12h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Bùi Thị Huế

Cái Xuân Thuận

Gi. Viên chấm thi 1

Gi. Viên chấm thi 2

Nguyễn Thị Khánh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2119030049	Võ Minh	17/03/2001	CCQ1903B									
21	2122180086	Trương Bá	15/02/2004	CCQ2218C	04	<i>Lu</i>	4,3	<i>Lu</i>	5,3	4,8	7,5	5,9	
22	2123210140	Lê Thị Trúc	21/09/2005	CCQ2321D	01	<i>Le</i>	3,9	<i>Le</i>	4,5	4,2	7,7	5,6	
23	2121110246	Trần Văn	20/01/2003	CCQ2111H	02	<i>Ly</i>	4,2	<i>Ly</i>	4,4	4,3	8,3	5,9	
24	2123210121	Nguyễn Thị Khánh	12/09/2005	CCQ2321D	03	<i>My</i>	7,4	<i>My</i>	6,0	6,7	8,9	7,6	
25	2123210119	Châu Thị Ly	02/08/2005	CCQ2321D	04	<i>Ng</i>	4,6	<i>Ng</i>	3,7	4,2	7,8	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

A: 21

N: 04

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 25

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 25

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 25

Xuân
Huỳnh Xuân
Hiên

Thủy Tiên
Lê Phan
Thủy Tiên

Phạm Văn Mạnh

Nguyễn T.P. Linh

Nguyễn T.P. Linh

Nguyễn T.P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122120311	Lê Quý	An	23/09/2004	CCQ2212J						0,0		
2	2122170112	Trần Tấn	An	25/03/2004	CCQ2217C	01	6,5	7,2	6,9	8,9	7,7		
3	2122180073	Trần Quốc	Bảo	14/02/2004	CCQ2204B	02	5,1	7,8	6,5	6,9	6,7		
4	2122200208	Phan Nguyễn Hữu	Cầm	21/05/2004	CCQ2220E	03	8,7	7,8	8,3	9,2	8,7		
5	2121210010	Đoàn Trung	Cang	29/03/2003	CCQ2121A	04	4,8	7,0	5,9	7,0	6,3		
6	2122040007	Vô Trường	Chiến	19/11/2004	CCQ2204A	01	5,0	6,0	5,5	6,2	5,8		
7	2122200147	Thăng Văn	Công	20/01/2003	CCQ2220E	04	5,2	6,7	6,0	8,5	7,0		
8	2122170110	Nguyễn Vô Quang	Đáng	03/10/2003	CCQ2217C	03	6,8	7,5	6,3	7,3	6,7		
9	2122030154	Trần Ngọc Hải	Đáng	16/10/2004	CCQ2203E	02	6,2	7,6	6,9	7,2	7,0		
10	2122110333	Hoàng Phùng Thành	Đạt	13/08/2004	CCQ2211I	01	4,9	8,5	6,7	7,1	6,9		
11	2122100101	Trần Thị Mai	Dung	01/10/2004	CCQ2210C	04	5,7	8,3	7,0	7,6	7,2		
12	2122110443	Nguyễn Quốc	Dương	02/02/2003	CCQ2211D	03	5,5	2,3	3,9	7,2	5,2		
13	2122200010	Đoàn Thị Ngọc	Hà	26/04/2003	CCQ2220A	01	5,1	6,1	5,6	5,7	5,6		
14	2122070013	Phạm Ngọc	Hải	22/03/2004	CCQ2207A	02	5,0	7,3	6,2	6,3	6,2		
15	2122180008	Nguyễn Xuân	Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A	03	7,0	7,7	7,4	4,1	6,1		
16	2122120141	Lê Thị Kim	Hồng	04/06/2004	CCQ2212E	04	5,4	7,3	6,4	8,3	7,2		
17	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	01	5,2	5,4	5,3	4,8	5,1		
18	2122030217	Nguyễn Văn	Hung	25/03/2004	CCQ2203F	02	3,5	0,5	2,0	7,8	4,3		
19	2122040005	Lê Anh	Huy	13/07/2004	CCQ2204A	04	6,2	6,7	6,5	7,6	6,9		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1

Xuân

Koong Xhian

Cán bộ coi thi 2

Thuy Xien

Le Phan

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

Phạm Văn Mạnh

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Phạm Văn Mạnh

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Phạm Văn Mạnh

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Phạm Văn Mạnh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122030167	Trương Anh	Kiệt	15/09/2004	CCQ2203E	03	Kiệt	4,9	Kiệt	1,0	3,0	6,8	4,5	
21	2122170386	Phan Trường	Luân	20/03/2004	CCQ2217J	02	Luân	4,7	Luân	0,0	2,4	7,6	4,5	
22	2122030142	Lê Công	Lý	16/07/2004	CCQ2203E	01	Lý	4,8	Lý	8,3	6,6	7,5	7,0	
23	2122170681	Nguyễn Văn Đức	Minh	25/10/2004	CCQ2217Q	02	Minh	5,0	Minh	7,5	6,3	8,0	7,0	
24	2122100357	Trương Thị Ngọc	Mỹ	03/10/2004	CCQ2210J	01	Ngọc	4,6	Ngọc	3,0	3,8	5,9	4,6	
25	2122180053	Nguyễn Tấn	Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B	02	Nghĩa	4,6	Nghĩa	8,0	6,3	7,4	6,7	
26	2120050052	Son	Nhi	22/11/2002	CCQ2005B							0,0		
27	2122120449	Lê Thị	Nhung	25/12/2004	CCQ2212M	04	Nhung	6,5	Nhung	7,7	7,1	7,3	7,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

A: 15

H: 2

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 17
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123100031	Nguyễn Thị Quế	Anh	18/01/2005	CCQ2310A	003	Quế	5,4	Quế	5,9	5,7	7,8	6,5
2	2123120287	Trần Mai Lan	Anh	18/08/2005	CCQ2312F	002	Anh	6,2	Anh	8,0	7,1	9,9	8,2
3	2123180057	Đặng Quốc	Bảo	16/06/2005	CCQ2318B	001	Bảo	4,5	Bảo	0,5	2,5	7,7	4,6
4	2123180069	Huỳnh Công	Bảo	03/12/2005	CCQ2318B	004	Bảo	4,7	Bảo	4,0	4,4	7,1	5,5
5	2123120327	Nguyễn Gia	Bảo	27/02/2003	CCQ2312F	003	Gia	6,4	Gia	6,6	6,5	8,0	7,1
6	2122200118	Nguyễn Quốc	Bảo	29/10/2004	CCQ2220D						0,0		
7	2123180029	Phạm Đức	Bảo	13/06/2005	CCQ2318A						0,6		
8	2123120296	Phan Quý	Bảo	28/09/2004	CCQ2312F						6,2		
9	2123180003	Trương Văn	Bon	23/07/2005	CCQ2318A	001	Trương	5,3	Trương	8,7	7,0	8,3	7,5
10	2123180067	Nguyễn Văn	Danh	26/03/2005	CCQ2318B	002	Danh	9,0	Danh	4,4	6,7	7,4	7,0
11	2123120331	Lữ Nguyễn Phương	Dung	03/12/2005	CCQ2312F	001	Dung	5,7	Dung	6,8	6,3	8,4	7,1
12	2123180124	Lê Quang	Duy	15/12/2005	CCQ2318A	004	Quang	5,7	Quang	5,5	5,6	8,7	6,8
13	2123120298	Lê Hậu	Giang	10/02/2005	CCQ2312F	003	Hậu	6,8	Hậu	8,2	7,5	8,3	7,8
14	2123180024	Phạm Xuân	Hiệp	25/05/2005	CCQ2318A	002	Hiệp	7,4	Hiệp	6,8	7,1	5,5	6,5
15	2122170682	Đặng Ngọc	Hiệu	25/05/2004	CCQ2217Q						0,4		
16	2121130024	Não Nữ Thuýn	Hoà	16/04/2002	CCQ2113A	004	Thuýn	5,0	Thuýn	7,5	6,3	6,5	6,4
17	2122120203	Nguyễn Minh	Hùng	04/06/2004	CCQ2212F						1,2		
18	2123030050	Nguyễn Phi	Hùng	30/01/2005	CCQ2303B						0,0		
19	2122030205	Đặng Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2203B	007	Huy	3,9	Huy	1,2	2,6	2,3	2,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/08/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123180085	Trần Hoàng	Minh	19/10/2004	CCQ2318C	004		7,2		8,7	8,0	8,4	8,2	
21	2123180130	Phạm Bá	Ngà	09/11/2005	CCQ2318C	003		4,6		2,0	3,3	6,8	4,7	
22	2123060210	Ngọc Văn	Nghị	01/04/2005	CCQ2306A	002		4,9		6,1	5,5	8,6	6,7	
23	2123180129	Dương Nhật	Nguyễn	15/09/2004	CCQ2318A							2,7		
24	2123180103	Phan Tuấn	Phát	10/03/2005	CCQ2318C							0,0		
25	2123180099	Huỳnh Vũ Minh	Quân	05/06/2005	CCQ2318A	003		7,3		0,5	3,9	6,5	4,9	

(39)
T. Manh

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Manh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/08/2024

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn ViếtG. Viên chấm thi 2
Môn ViếtG. Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170656	Chau Na	Sone	27/10/2005	CCQ2317B	001		5,5		4,3	4,9	7,0	5,7	
2	2123180002	Lê Chi	Tâm	01/09/2004	CCQ2318A	002		6,3		6,6	6,5	8,9	7,5	
3	2123180049	Trương Thành	Tâm	05/11/2005	CCQ2318B	003		4,6		2,6	3,6	5,4	4,3	
4	2123180100	Huỳnh Công	Thành	26/05/2005	CCQ2318A	004		4,5		4,9	4,7	6,4	5,4	
5	2122170128	Lê Thân	Thi	19/12/2004	CCQ2217D	003		4,4		5,7	5,1	6,6	5,2	
6	2123120332	Nguyễn Thị Phương	Thủy	08/06/2005	CCQ2312F	002		6,0		5,0	5,5	7,7	6,4	
7	2122170642	Phạm Anh	Thy	05/12/2004	CCQ2217P	003		4,2		2,0	3,1	7,4	4,8	
8	2123180106	Phan Nhật Anh	Tiến	10/03/2004	CCQ2318A	001		5,6		5,8	5,7	8,3	6,7	
9	2123180112	Đặng Trung	Tin	23/04/2001	CCQ2318C	004		6,8		7,5	7,2	9,3	8,0	
10	2123180031	Nguyễn Thành	Tính	01/01/2005	CCQ2318A	002		6,3		3,2	4,8	5,2	5,0	
11	2122030113	Huỳnh Minh	Toàn	07/11/2004	CCQ2203H							0,0		
12	2123170658	Nguyễn	Toàn	15/03/2005	CCQ2317B	002		6,8		7,2	7,0	7,5	7,2	
13	2123170175	Nguyễn Thanh	Toàn	01/05/2005	CCQ2317E	001		4,8		4,0	4,4	6,5	5,2	
14	2123030019	Trương Nhật	Trang	20/11/2005	CCQ2303A							0,0		
15	2123180064	Nguyễn Kế	Trung	03/07/2005	CCQ2318B	002		7,7		3,9	5,5	8,3	6,6	
16	2123180004	Nguyễn Sĩ	Trung	03/03/2005	CCQ2318A	004		5,5		1,5	3,5	6,7	4,8	
17	2123230031	Nguyễn Đức	Trương	27/11/2005	CCQ2323A	003		9,3		6,8	8,1	7,3	7,8	
18	2123180019	Lê Kế	Từ	28/01/2005	CCQ2318A	004		8,4		7,8	8,1	9,1	8,5	
19	2122200104	Lý Văn	Tuân	26/11/2002	CCQ2220D	004		7,3		6,2	6,8	9,8	8,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123180095	Nguyễn Văn Tuấn	01/04/2005	CCQ2318C	001						0,0		
21	2123030129	Đinh Công Tuyển	27/07/2004	CCQ2303D									
22	2123180038	Phạm Quang Vi	24/03/2005	CCQ2318B	001		4,1		3,4	3,8	9,4	6,0	
23	2123110084	Đào Lê Quang Vinh	15/03/2004	CCQ2311C							0,0		
24	2123120328	Nguyễn Thị Hồng Xuyên	27/07/2005	CCQ2312F	002	Xuyên	5,3	Xuyên	5,5	5,4	8,3	6,6	
25	2123120319	Bùi Thị Mỹ Yến	26/08/2005	CCQ2312F	003	Yến	6,2	Yến	5,7	6,0	7,8	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

H: 23

H: 04

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn ViếtG. Viên chấm thi 2
Môn ViếtG. Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Số SV có mặt: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 23

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	002	Ninh	4,5	Ninh	3,0	3,8	3,8	3,8	
2	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	003	Phúc	5,1	Phúc	1,0	3,1	5,7	4,1	
3	2121170577	Nguyễn Anh	Phúc	13/07/2003	CCQ2117Q	004	Anh	6,0	Anh	4,2	5,1	5,5	5,3	
4	2122110034	Nguyễn Minh	Phụng	19/06/2004	CCQ2211A	001	Phụng	6,6	Phụng	6,4	6,5	6,3	6,4	
5	2122110451	Lê Hồ Xuân	Phượng	14/08/2004	CCQ2222A	02	Phượng	6,4	Phượng	6,5	6,5	6,2	6,4	
6	2122170375	Trần Đăng	Quân	27/07/2004	CCQ2217J	03	Quân	7,6	Quân	7,3	7,5	6,8	7,2	
7	2122170377	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Quý	08/05/2003	CCQ2217J	04	Quý	4,8	Quý	6,0	5,4	5,5	5,4	
8	2122170385	Bùi Công	Sắc	19/11/2003	CCQ2217J	01	Sắc	4,9	Sắc	2,4	3,7	6,3	4,7	
9	2121140011	Nguyễn Thanh	Son	08/01/2003	CCQ2114A	02	Son	6,1	Son	2,3	4,2	6,8	5,2	
10	2122180075	Trần Văn	Tâm	30/05/2004	CCQ2218C	03	Tâm	5,3	Tâm	7,9	6,6	7,5	7,0	
11	2121170680	Phạm Nhật	Tân	06/10/2002	CCQ2117R	04	Tân	7,5	Tân	7,5	7,5	6,5	7,1	
12	2122120107	Nguyễn Thành	Thắng	24/09/2002	CCQ2212D	/	/	/	/	/	/	0,0	/	
13	2122050073	Phan Hữu	Thị	12/12/2004	CCQ2206B	02	Hữu	6,8	Hữu	7,4	7,1	5,8	6,6	
14	2122040008	Nguyễn Khương	Thiên	09/02/2004	CCQ2204A	03	Thiên	6,5	Thiên	7,7	7,1	3,2	5,5	
15	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B	04	Thiện	5,2	Thiện	7,5	5,4	9,4	7,0	
16	2122110325	Nguyễn Bá	Thịnh	17/09/2004	CCQ2211I	01	Thịnh	5,1	Thịnh	6,9	6,0	5,8	5,9	
17	2122130053	Nguyễn Thị Mỹ	Thoa	08/10/2004	CCQ2213B	02	Thoa	4,8	Thoa	5,0	4,9	6,7	5,6	
18	2122180088	Lưu Văn	Thư	07/11/2004	CCQ2218C	03	Thư	4,7	Thư	8,3	6,5	9,7	7,8	
19	2122170475	Phan Trung	Tin	01/01/2004	CCQ2217L	03	Trung	3,7	Trung	2,0	2,9	4,1	3,4	

24/08/2024

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn ViếtG.Viên chấm thi 2
Môn ViếtG.Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tin	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122170301	Trần Công	Tin	25/02/2004	CCQ2217H	001	Trần	4,2	Trần	5,0	4,6	8,1	6,0	
21	2122180124	Nguyễn Thái	Toàn	09/02/2004	CCQ2218D	002	Nguyễn	6,5	Nguyễn	8,0	7,3	8,4	7,7	
22	2122030110	Đoàn Lê Thiên	Triết	22/08/2004	CCQ2203H	003	Đoàn	5,6	Đoàn	4,9	5,3	6,5	5,8	
23	2122170376	Nguyễn Đức	Trường	27/01/2004	CCQ2217J	004	Nguyễn	4,3	Nguyễn	2,4	3,4	7,3	5,0	
24	2122180125	Phạm Minh	Trường	23/11/2000	CCQ2218D	001	Phạm	6,2	Phạm	6,9	6,6	7,4	6,9	
25	2122260093	Hồ Thanh	Tuyền	25/06/2004	CCQ2226C	002	Hồ	4,5	Hồ	5,7	5,1	6,8	5,8	
26	2122040002	Lê	Vân	05/11/2004	CCQ2204A	003	Lê	6,2	Lê	2,5	4,4	7,1	5,5	
27	2122260125	Lê Anh	Vũ	03/10/2004	CCQ2226B	004	Lê	4,5	Lê	7,0	5,8	8,2	6,8	
28	2122100230	Nguyễn Thị Tường	Vy	30/01/2004	CCQ2210G	001	Nguyễn	7,0	Nguyễn	8,5	7,8	7,6	7,7	

A: 24
H: 01

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Vũ T. Hoàn

Đào Thị Diệu

Vũ T. Hoàn

Đỗ Thị Thanh Thảo

N.T. Ngọc

C. Lê Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123210137	Đỗ Thị Bích	Ngọc	21/08/2005	CCQ2321D	001	ngoc	7,4	7,1	7,3	7,9	7,5	
2	2121150048	Phan Thành	Nhân	18/10/2003	CCQ2115B	002	thanh	6,8	7,3	7,1	5,0	6,3	
3	2122110432	Hồ Trung	Nhật	02/06/2004	CCQ2211LA	003	trung	4,2	3,8	4,0	8,2	5,7	
4	2121190004	Nguyễn Minh	Nhật	09/09/2003	CCQ2112N	004	minh	4,4	4,0	4,2	7,6	5,6	
5	2123210117	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	11/08/2005	CCQ2321D	001	khánh	6,6	8,0	7,3	8,9	7,9	
6	2123210130	Nguyễn An	Ninh	20/11/2005	CCQ2321D	002	ninh	6,5	7,4	7,0	8,5	7,6	
7	2123210129	Mai Thị	Nương	02/04/2005	CCQ2321D	003	nuong	6,8	5,9	6,4	7,3	6,8	
8	2121150016	Lăng Minh	Phuong	20/01/2003	CCQ2115A	004	phuong	4,3	8,0	6,2	6,7	6,4	
9	2123180072	Nguyễn Minh	Thái	03/09/2005	CCQ2318C	004	thai	3,8	3,5	3,7	7,7	5,3	
10	2122180089	Nguyễn Văn	Thịnh	26/05/2004	CCQ2218C	002	thinh	4,2	3,7	4,0	7,1	5,2	
11	2123210113	Trần Đặng Mỹ	Thư	06/04/2005	CCQ2321D	003	thu	4,1	5,3	4,7	7,9	6,0	
12	2121140026	Trần Thế	Thuận	03/12/2003	CCQ2114A	004	thuan	6,6	7,0	6,8	8,0	7,3	
13	2121030162	Dương Quang	Thụy	20/08/2002	CCQ2103D	001	thuy	7,3	6,0	6,7	7,9	7,2	
14	2123100024	Phạm Minh	Tinh	03/11/2003	CCQ2310A	002	minh	4,8	5,6	5,2	7,8	6,2	
15	2123210120	Lê Ngọc	Trâm	20/05/2005	CCQ2321D	003	tram	7,9	8,3	8,1	9,0	8,5	
16	2123210127	Nguyễn Diệu	Trần	04/03/2005	CCQ2321D	001	trien	6,6	6,3	6,5	8,7	7,4	
17	2123210141	Nguyễn Văn	Tri	03/03/2005	CCQ2321D	001	tri	8,3	8,2	8,3	8,6	8,4	
18	2123210128	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	13/04/2005	CCQ2321D	002	truc	5,2	4,4	4,8	8,7	6,4	
19	2123210138	Phan Thị Như	Uyển	28/04/2005	CCQ2321D	003	nguyen	4,7	6,2	5,4	7,7	6,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

(42)
C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Vũ T. Huân

Đào Thị Diệu

Nguyễn Văn

Đoàn Thị Thanh Thảo

NT, Ngọc

Minh An

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/08/2024

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 25

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 29/8/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 12h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2121120627	Nguyễn Thị Yên	Vy	02/04/2003	CCQ2112R	004		4,1		3,5	3,8	5,0	4,3	-
21	2121030075	Ngô Triều	Vy	04/11/2003	CCQ2103C	001		5,3		5,6	5,5	7,2	6,2	
22	2122110433	Phạm Quốc Chí	Vy	31/10/2004	CCQ2211LA	002		5,2		6,2	5,7	6,4	6,0	
23	2123110511	Đoàn Như	Y	17/06/2005	CCQ2311M	003		5,0		5,0	5,0	8,1	6,2	
24	2123210114	Huỳnh Ngọc Như	Y	05/05/2005	CCQ2321D	004		4,4		5,2	4,8	7,4	5,8	
25	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	19/01/2005	CCQ2321D	001		8,8		7,8	8,3	8,5	8,4	